

Số: *781* /TTKSBT-DVTTYT

Hải Phòng, ngày *2* tháng *6* năm 2025.

### THƯ MỜI BÁO GIÁ

(Hóa chất xét nghiệm nước thực phẩm của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2025)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm hóa chất xét nghiệm nước thực phẩm của đơn vị năm 2025 với nội dung như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.  
Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược -  
Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;

SĐT: 0225.3842.878, Email: duoc.cdchp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.  
Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng.

- Nhận qua email: duoc.cdchp@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 02 tháng 6 năm 2025, đến trước 17h  
ngày 12 tháng 6 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày từ ngày 12 tháng 6 năm 2025.

#### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục chi tiết tại phụ lục kèm theo
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng
- Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 6-7 năm 2025
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sau khi hai bên hoàn thiện thống nhất thực hiện hợp đồng.



Vậy Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng kính mời các đơn vị gửi báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên. Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- K.TTGDSK (Đăng tải trên trang Web của đơn vị);
- P. TCKT; P.KHNV;
- K.PCBTN; K.XN;
- Lưu: VT, DVTYT.

**GIÁM ĐỐC**



**Đông Trung Kiên**



# PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÓA CHẤT

(Kèm theo Thư mời báo giá số 781 TTKSBT-DVTTYT ngày 2 tháng 6 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Hải Phòng)

| STT | Danh mục hóa chất                            | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Quy cách đóng gói tối thiểu | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------|----------|
| 1   | AgNO <sub>3</sub>                            | Độ tinh khiết 99.8- 100.5 %; Cadimi ≤ 0.0001 %; Chi ≤ 0.001 %<br>Quy cách sản phẩm: Lọ 100g                                                                                                                                                                                                                                                                             | Lọ 25g                      | Lọ          | 1        |
| 2   | Phenyl hydroxide solution liquified          | Độ tinh khiết ≥ 98 %<br>Quy cách sản phẩm: Chai 500mL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chai 500ml                  | Chai        | 1        |
| 3   | Chất chuẩn hỗn hợp hợp chất phenyl hydroxide | - 12 thành phần, nồng độ 2000mg/ 1 mỗi chất 4-Chloro-3-methylphenol; 2-Chlorophenol; 2,4-Dichlorophenol; 2,4-Dimethylphenol; 2-Methyl-4,6-dinitrophenol; 2,4-Dinitrophenol; 2-Methylphenol ; 2-Nitrophenol; 4-Nitrophenol ; Pentachlorophenol; Phenol; 2,4,6-Trichlorophenol trong Dichloromethane<br>- Chất chuẩn phân tích dùng cho GCMS<br>Quy cách sản phẩm: Lọ 1mL | Lọ 1ml                      | Lọ          | 1        |
| 4   | Thạch TBX                                    | Thành phần cho 1 lít môi trường:<br>Enzymatic Digest of Casein 20g; Bile Salts No. 3 1.5g; BCIG 0.075g; Agar 9-18g<br>pH 7.2±0.2 ở 25°C                                                                                                                                                                                                                                 | Hộp 500g                    | Hộp         | 1        |
| 5   | Dung dịch nước đậm pepton (BPW)              | Thành phần cho 1 lít môi trường: Pepton 10g; natri clorua 5g; Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> ×12H <sub>2</sub> O 9g, kali dihydro phosphate 1.5g<br>pH: 7.0±0.2 ở 25°C.                                                                                                                                                                                               | Hộp 500g                    | Hộp         | 1        |



|   |                                                  |                                                                                                                                                                                                          |          |     |   |
|---|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|---|
| 6 | Dung dịch pepton/muối<br>(Peptone salt solution) | Thành phần cho 1 lít môi trường: Peptone 1; sodium chloride 8.5.                                                                                                                                         | Hộp 500g | Hộp | 1 |
| 7 | Thạch Slanetz và Bartley                         | tryptose 20 g/l;<br>yeast extract 5 g/l;<br>disodium hydrogen phosphate monohydrate 4 g/l<br>D(+)-glucose 2 g/l;<br>sodium azide 0.4 g/l;<br>2,3,5-triphenyltetrazolium chloride 0.1 g/l;<br>agar 10 g/l | Hộp 500g | Hộp | 1 |

